TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị L.P.T,** sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú: tập thể B, phường P, quận Đ, Thành phố H; Chỗ ở: số nhà 33, ngách 28, ngõ 5, phố P, phường P, quận Đ, Thành phố H.

- **Anh Đ.T.S,** sinh năm 1970; Đăng ký hộ khẩu thường trú: tập thể Bệnh B, phường P, quận Đ, Thành phố H; Chỗ ở: số nhà 33, ngách 28, ngõ 5, phố P, phường P, quận Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L.P.T và anh Đ.T.S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận Đ, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Nay chị T và anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị L.P.T và anh Đ.T.S có hai con chung là cháu Đ.L.T.V, nữ, sinh ngày 14.4.2006 và cháu Đ.L.C (nữ), sinh ngày 16.6.2013. Ly hôn, anh S, chị T thỏa thuận giao cho anh Đ.T.S là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị T cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000đồng/tháng (4.000.000 đồng/cháu/tháng).

[3] Về tài sản chung: Chị L.P.T và anh Đ.T.S không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị L.P.T và anh Đ.T.S xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L.P.T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L.P.T và anh Đ.T.S.

- Về con chung: Chị L.P.T và anh Đ.T.S có hai con chung là cháu Đ.L.T.V, nữ, sinh ngày 14.4.2006 và cháu Đ.L.C (nữ), sinh ngày 16.6.2013. Giao cho anh Đ.T.S là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị T cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000đồng/tháng (4.000.000 đồng/cháu/tháng) kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Chị L.P.T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L.P.T và anh Đ.T.S không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về nợ: Chị L.P.T và anh Đ.T.S xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên Toà không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị L.P.T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014001 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My